

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày: 14/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Đăng Hùng

Ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2019/TLST- HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST- HS ngày 27/9/2019 đối với bị cáo:

Đàm Thanh T. Tên gọi khác: Đàm Thanh T

Sinh ngày 23 tháng 5 năm 1985; Nơi sinh: B, Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đàm Thanh T1 và bà Lý Thị N; Vợ Bùi Thị Th; có 01 con; tiền án: Không, tiền sự: 01 Tại Quyết định số 400 ngày 23/8/2017 của Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện theo pháp luật là ông Nông Quốc D – Chủ tịch UBND huyện B.

Đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn K - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện B theo giấy uỷ quyền số 104/UBND-NC ngày 28/01/2019. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Đàm Thanh T1, sinh năm 1955

Nơi cư trú: thôn K, xã , huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Bà Lý Thị Ng, sinh năm 1962

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:***

1. Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Anh Đàm Thanh T2, sinh năm 1990

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

3. Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

4. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1948

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

5. Chị Nông Phương S, sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

6. Bà Nông Thị U', sinh năm 1957

Nơi cư trú: thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 4/2018, Đàm Thanh T, trú tại thôn K, xã C, huyện B gọi điện cho em trai là Đàm Thanh T2, sinh năm 1990, trú cùng thôn, T nói với T2 ở khu rừng Bó Bả của gia đình thuộc thôn K, xã C, có một số cây gỗ to có thể xẻ về làm trần nhà được, có lấy thì vào mà xẻ lấy, T nói với T2 là khu rừng trên đã được cơ quan chức năng cấp phép khai thác, T2 đồng ý.

Sau đó đến ngày 05, ngày 06 tháng 5/2018, T gọi điện thoại cho vợ là Bùi Thị Th, sinh năm 1982, trú tại thôn K, xã C, T bảo Th đi phát rừng để trồng cây keo, cây mỡ, tại khu rừng B, thuộc thôn K xã C, về thủ tục giấy tờ xin phép T đã lo xong Th chỉ việc đi phát. Khu rừng trên đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 070165 ngày 03/4/2007 mang tên ông Đàm Thanh T1, sinh năm 1955 và bà Lý Thị Ng, sinh năm 1962, cùng trú tại thôn K, xã C (là bố mẹ đẻ của T), ông T1, bà Ng đã giao khu rừng trên cho T quản lý sử dụng từ năm 2017; Đến chiều ngày 07/5/2018 chị Th một mình mang theo 01 (một) con dao bằng kim loại lên khu rừng B bắt đầu tiến hành phát rừng, nhưng do khu rừng rậm và rộng nên tối về nhà Th có nói chuyện với T, do muốn phát nhanh nên T đã thuê thêm Đoàn Thị H, sinh năm 1986; Nông Phương S, sinh năm 1979; Đinh Thị L, sinh năm 1948; Nông Thị U', sinh năm

1957 để phát rừng cùng Th, với tiền công phát rừng là 160.000 đồng một người, một ngày, được những người trên đồng ý phát.

Đến sáng ngày 08/5/2018, Th cùng H, Sâm mỗi người mang theo 01 (một) con dao bằng kim loại lên khu rừng B để tiến hành phát rừng đến trưa thì về. Buổi chiều cùng ngày H có rủ thêm L (được T thuê), sau đó cùng S tiến hành phát đến chiều tối thì về. Buổi chiều Th có việc bận nên không tham gia. Đến sáng ngày 10/5/2018, T2 một mình mang theo 01 (một) cưa máy của T2 lên khu rừng B tìm và cưa đổ 04 (bốn) cây gỗ Ràng Ràng, sau đó T2 dùng cưa cắt 02 (hai) cây thành 12 (mười hai) khúc; 01 (một) cây thành 05 (năm) khúc và 01 (một) cây cưa đổ chưa cắt khúc, mục đích mang về làm trần nhà. Chiều cùng ngày T một mình mang theo 01 (một) cưa máy của T2 lên khu rừng B cắt đổ những cây gỗ nhóm VI, VII, VIII, cắt xong T về nhà, mục đích cắt đổ cây gỗ để trồng cây keo, mỡ chứ không có ý định lấy gỗ về sử dụng.

Chiều ngày 25/5/2018 và sáng ngày 26/5/2018, T có gặp trực tiếp H, L và U để thuê phát tiếp khu rừng B do trước phát dở, thì được H, L và U đồng ý, L, H cùng U mỗi người mang theo 01 (một) con dao bằng kim loại vào khu rừng B phát phá, phát đến trưa thì về. Chiều cùng ngày L, H, U và Th cùng nhau phát đến khi xong thì về. Sau khi phát xong toàn bộ khu rừng theo ý T, T đã trả hết số tiền công cho những người được T thuê phát rừng.

Ngày 01/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ phát phá rừng xảy ra tại thôn K, xã C do Đàm Thanh T, Nông Phương S, Đàm Thanh T2, Đinh Thị L, Đoàn Thị H, Bùi Thị Th, Nông Thị U thực hiện trong tháng 5/2018. Kết quả: Theo bản đồ kiểm kê năm 2012 khu rừng bị phát phá là khu rừng B, thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn thuộc lô 128, khoảnh 5, tiểu khu 373, thửa đất số 1130; đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2007 thì khu rừng nêu trên thuộc lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 373 và lô 1, khoảnh 6 tiểu khu 373, chức năng rừng là rừng sản xuất. Diện tích khu rừng bị các đối tượng hủy hoại là 0,693 ha (6.930m²), tại thời điểm khám nghiệm vùng diện tích bị hủy hoại là cây Vầu, gỗ rừng tự nhiên mọc xen kẽ phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích lô rừng bị phát phá. Số lượng cây Vầu bị phát phá là 13.860 cây, khối lượng gỗ bị cắt còn tại hiện trường là 12,984 m³.

Ngày 30/8/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện có công văn số 163/CQĐT gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị xác định loại rừng, hiện trạng, trạng thái rừng. Đến ngày 19/9/2018, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bắc Kạn có công văn số 1618/SNN-KHTC về việc trả lời Cơ quan CSĐT Công an huyện B đối với diện tích khu rừng bị hủy hoại 6.930m² (0,693 ha) được xác định vị trí thuộc lô 128, khoảnh 5, tiểu khu 373, thửa đất số 1130 (theo bản đồ kiểm kê năm 2012); lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 373 và lô 1, khoảnh 6 tiểu khu 373, loại rừng thuộc quy hoạch rừng sản xuất (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2007). Hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái rừng hỗn giao tre nứa – gỗ (rừng tự nhiên phục hồi).

Tại kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, kết luận: Hội đồng định giá tài sản thống nhất, tại thời điểm tháng 5/2018 khối lượng lâm sản bị cưa đổ và chặt hạ có giá trị 84.023.300,đ (tám mươi bốn triệu không trăm hai mươi ba nghìn ba trăm đồng), cụ thể:

- Lâm sản là gỗ: Giá trị 14.723.300,đ
- + 0,088m³ gỗ Sung (nhóm VIII) = 0,088m³ x 800.000,đ = 70.400,đ
- + 0,120m³ gỗ Chẹo (nhóm VII) = 0,120m³ x 1.000.000,đ = 120.000,đ
- + 0,195m³ gỗ Trám trắng (nhóm VII) = 0,195m³ x 2.300.000,đ = 448.500,đ
- + 0,220m³ gỗ Sơn (nhóm VIII) = 0,220m³ x 800.000,đ = 176.000,đ
- + 0,696m³ gỗ Kháo (nhóm VI) = 0,696m³ x 1.200.000,đ = 835.200,đ
- + 0,343m³ gỗ Giẻ trắng (nhóm VII) = 0,343m³ x 1.000.000,đ = 343.000,đ
- + 4,281m³ gỗ SP (nhóm VII) = 4,281m³ x 1.000.000,đ = 4.281.000,đ
- + 7,04m³ gỗ Ràng ràng (nhóm VI) = 7,151m³ x 1.200.000,đ = 8.449.200,đ
- Lâm sản là Vầu: 13.860 cây Vầu có đường kính từ 3cm đến 6cm = 13.860 cây x 5.000,đ = 69.300.000,đ

Tại Bản cáo trạng số 34/CT-VKS-BT ngày 30/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Đàm Thanh T tội: “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36/BLHS

Xử phạt bị cáo Đàm Thanh T từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C huyện B giám sát, giáo dục.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo lao động tự do không có việc làm ổn định nên hàng tháng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình còn khó khăn nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do số lâm sản bị chặt phá vẫn giữ nguyên tại hiện trường và đã bàn giao cho UBND huyện B đầy đủ. Đại diện UBND huyện B không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS ; Điều 106/BLTTHS.

- Tổng khối lượng 12,984m³ gỗ (nhóm VI,VII,VIII) do Đàm Thanh T và Đàm Thanh T2 cắt đổ, 13.860 cây Vầu do các đối tượng Bùi Thị Th, Đinh Thị L, Đoàn Thị H, Nông Phương S, Nông Thị U phát phá chưa lấy ra khỏi hiện trường. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện B.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao có chiều dài 25,5cm, chỗ rộng nhất 05 cm, phần cán dao dài 10,5cm, của Đàm Thanh T.

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 26cm, chỗ rộng nhất 06 cm, phần cán dao dài 10cm, của Bùi Thị Th sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45,5cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 30cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm, phần cán dao dài 15,5cm, của Đoàn Thị H sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 25cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, phần cán dao dài 10cm, tiếp theo là phần cán gỗ được tra thêm có chiều dài 10cm, của Nông Thị U sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 37cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 27,5cm, chỗ rộng nhất 5,5cm, phần cán dao dài 9,5cm, của Đinh Thị L sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 68cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 28,5cm, chỗ rộng nhất 5cm, phần cán dao dài 39,5cm, của Nông Phương S sử dụng để phát rừng;

- Đối với 01 (một) cưa máy mà Đàm Thanh T2 và Đàm Thanh T sử dụng để cắt đổ các cây gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII tại khu rừng B, quá trình điều tra làm rõ chiếc cưa máy trên là của Đàm Thanh T2, sau khi sử dụng để cắt các cây gỗ thì bị hỏng nên T2 đã bán. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

- Trước khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, Đàm Thanh T, Đàm Thanh T2 và Bùi Thị Th có sử dụng điện thoại di động để liên lạc với nhau. Tuy nhiên trong quá trình điều tra T, T2 trình bày khi đi làm thuê đã đánh mất; Bùi Thị Th trình bày do bị hỏng nên đã vứt bỏ. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu, không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và xin được hưởng án treo. Về xử lý vật chứng, án phí bị cáo thì hành theo quy định.

Đại diện UBND huyện B đã nhận lại số gỗ và vầu do bị cáo và những người liên quan chặt phá và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình sự đề nghị xử lý theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T1 và bà Ng khẳng định có giao cho Đàm Thanh T quản lý diện tích rừng tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số số AK 070165, việc giao này chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc T khai thác gỗ, Vầu ở khu rừng này ông bà không biết T có được cấp giấy phép hay chưa và các loại cây T chặt phá này là cây tự nhiên, gia đình ông bà không được trồng, chăm sóc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng là chị S, chị H, bà U, bà L đều khẳng định có được T thuê đi phát rừng và không biết việc T được cấp phép hay chưa và đã nhận đủ số tiền công do T trả. Đối với con dao đã được dùng để chặt cây đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy. Anh Đàm Thanh T2 khẳng định có được T bảo cho chặt cây Ràng Ràng để mang về sử dụng và T có nói với T2 đã được cấp phép nên T2 mới đi chặt. Chị Bùi Thị Th khẳng định T bảo chị đi phát rừng và chị đã hỏi T về việc cấp phép và T nói với chị là đã được cấp phép theo quy định. Đối với con dao chị dùng chặt cây đề nghị tiêu hủy theo quy định.

Người tham gia tố tụng không ai khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng việc mua cây giống về trồng lại trên toàn bộ diện tích rừng mà bị cáo đã chặt phá trái phép, mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định:

Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước nên cơ quan tiến hành tố tụng xác định tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện là nguyên đơn dân sự, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt (lập ngày 07/10/2019) người đại diện uỷ quyền của Ủy ban nhân dân có ý kiến không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Trong các ngày 07, 08, 10, 25 và 26/5/2018, Đàm Thanh T, Đàm Thanh T2, Bùi Thị Th và những người được T thuê gồm: Đoàn Thị H; Nông Phương S, Đinh Thị L; Nông Thị U đến khu vực B, thuộc thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn để phát rừng. Th, H; S; L; U cùng nhau dùng dao chặt phá các cây vầu; T, T2 dùng cưa máy để

cắt hạ các cây gỗ tự nhiên. Vị trí khu rừng bị phát phá: Theo bản đồ kiểm kê năm 2012 thuộc lô 128, khoảnh 5, tiểu khu 373, thửa đất số 1130; đối chiếu với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2007 thì khu rừng nêu trên thuộc lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 373 và lô 1, khoảnh 6 tiểu khu 373, chức năng rừng là rừng sản xuất, hiện trạng là rừng tự nhiên, trạng thái rừng hỗn giao tre nứa – gỗ (rừng tự nhiên phục hồi). Diện tích khu rừng bị phát phá là 6.930m² (0,693 ha) gồm Vầu, gỗ rừng tự nhiên mọc xen kẽ phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích lô rừng bị phát phá. Mục đích phát phá rừng là để trồng các loại cây khác, ngoài ra không có mục đích nào khác.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo Đàm Thanh T về tội: “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo tự nguyện mua cây giống về trồng lại trên toàn bộ diện tích rừng đã phát phá trái phép nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo có bố đẻ là ông Đàm Thanh T1 được tặng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

Xét thấy bị cáo khai phá rừng với mục đích để trồng cây mỡ, keo tuy nhiên do thiếu hiểu biết nên bị cáo đã không làm các thủ tục theo đúng quy định của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, có khả năng tự cải tạo xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng theo quy định tại Điều 36/BLHS vẫn bảo đảm việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về khẩu trừ thu nhập: Bị cáo là lao động tự do không có công việc và thu nhập. Xác minh tại địa phương bị cáo không có tài sản gì do đó miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4]. Trong vụ án này còn có các đối tượng liên quan cụ thể:

Đối với Bùi Thị Th, sinh năm 1982 và Đàm Thanh T2, sinh năm 1990 cùng trú tại thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn: Trước khi phát phá và cưa đổ cây gỗ Ràng Ràng tại khu rừng B được Đàm Thanh T thông báo là khu rừng đã được T lo giấy tờ thủ tục (đã được cơ quan chức năng cấp phép khai thác), do vậy Bùi Thị Th và Đàm Thanh T2 không có lỗi nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với Đoàn Thị H, sinh năm 1986; Đinh Thị L, sinh năm 1948; Nông Phương S, sinh năm 1979, Nông Thị U, sinh năm 1957 cùng trú tại thôn Kh, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là những người được Đàm Thanh T thuê đi phát rừng tại khu rừng B nhưng bản thân những người này đều không biết hành vi vi phạm pháp luật của Đàm Thanh T. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với những người nêu trên.

Đối với ông T1 và bà Ng được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 0701695 ngày 03/4/2007 tại thửa đất số 1130, tờ bản đồ số 1, diện tích 12.083m², đất rừng sản xuất. Đến năm 2017, ông T1, bà Ngọc giao cho Đàm Thanh T quản lý nhưng việc T2 và T sử dụng cưa máy cắt đổ những cây gỗ nhóm VI, VII, VIII tại khu rừng trên thì ông Tuyền không biết, không được Tuyền thông báo, không bàn bạc gì với T. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Đại diện UBND huyện B không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6]. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS ; Điều 106/BLTTHS.

- Tổng khối lượng 12,984m³ gỗ (nhóm VI,VII,VIII) do Đàm Thanh T và Đàm Thanh T2 cắt đổ, 13.860 cây Vầu do các đối tượng Bùi Thị Th, Đinh Thị L, Đoàn Thị H, Nông Phương S, Nông Thị U phát phá chưa lấy ra khỏi hiện trường. Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện B.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao có chiều dài 25,5cm, chỗ rộng nhất 05 cm, phần cán dao dài 10,5cm, của Đàm Thanh T.

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 26cm, chỗ rộng nhất 06 cm, phần cán dao dài 10cm, của Bùi Thị Th sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45,5cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 30cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm, phần cán dao dài 15,5cm, của Đoàn Thị H sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 25cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, phần cán dao dài 10cm, tiếp theo là phần cán gỗ được tra thêm có chiều dài 10cm, của Nông Thị U sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 37cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 27,5cm, chỗ rộng nhất 5,5cm, phần cán dao dài 9,5cm, của Đinh Thị L sử dụng để phát rừng;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 68cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 28,5cm, chỗ rộng nhất 5cm, phần cán dao dài 39,5cm, của Nông Phương Sâm sử dụng để phát rừng;

- Đối với 01 (một) cưa máy mà Đàm Thanh T2 và Đàm Thanh T sử dụng để cắt đổ các cây gỗ từ nhóm VI đến nhóm VIII tại khu rừng B, quá trình điều tra làm rõ

chiếc cửa máy trên là của Đàm Thanh T2, sau khi sử dụng để cắt các cây gỗ thì bị hỏng nên T2 đã bán. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

- Trước khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, Đàm Thanh T, Đàm Thanh T2 và Bùi Thị Th có sử dụng điện thoại di động để liên lạc với nhau. Tuy nhiên trong quá trình điều tra Tùng, Tiến trình bày khi đi làm thuê đã đánh mất; Bùi Thị Th trình bày do bị hỏng nên đã vứt bỏ. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được.

[7]. *Hình phạt bổ sung*: Bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố**: Bị cáo Đàm Thanh T (tức Đàm Thanh T) phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

- Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 243 Điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36/BLHS. Xử phạt bị cáo Đàm Thanh T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B giám sát, giáo dục. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

* *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47/BLHS; Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao có chiều dài 25,5cm, chỗ rộng nhất 05 cm, phần cán dao dài 10,5cm, của Đàm Thanh T.

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 36cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 26cm, chỗ rộng nhất 06 cm, phần cán dao dài 10cm, của Bùi Thị Th;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45,5cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 30cm, chỗ rộng nhất 5,5 cm, phần cán dao dài 15,5cm, của Đoàn Thị H;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 45cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 25cm, chỗ rộng nhất 4,5cm, phần cán dao dài 10cm, tiếp theo là phần cán gỗ được tra thêm có chiều dài 10cm, của Nông Thị U;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 37cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 27,5cm, chỗ rộng nhất 5,5cm, phần cán dao dài 9,5cm, của Đinh Thị L;

+ 01 con dao bằng kim loại có tổng chiều dài 68cm đã qua sử dụng, phần thân dao dài 28,5cm, chỗ rộng nhất 5cm, phần cán dao dài 39,5cm, của Nông Phương S.

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND Bạch Thông 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện B 2;
- Bị cáo 1;
- NCQLNVLQ 9;
- TA tỉnh 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Thị Thúy